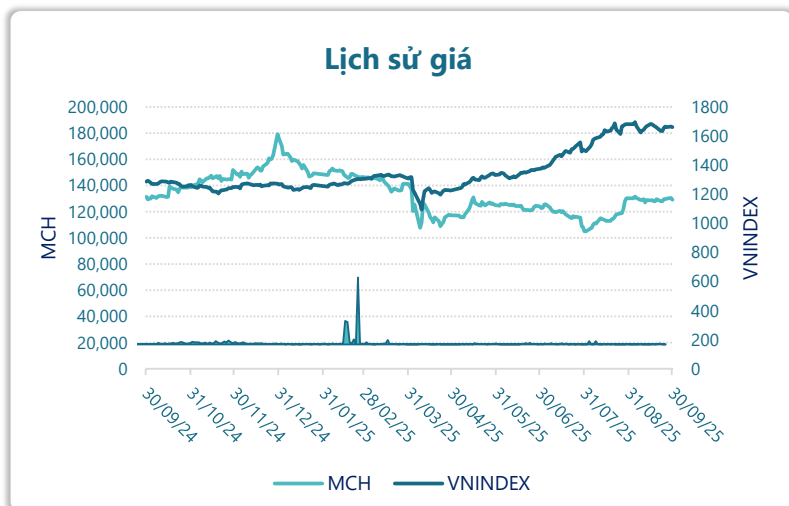


CTCP Hàng tiêu dùng MASAN (UPCOM: MCH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	129,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	179,254
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	105,000
SL cổ phiếu LH	1,056,705,358
KLGD BQ 20 phiên (CP)	265,219
% sở hữu nước ngoài	15.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136,526
P/E	19.7
EPS	6,546

DT thuần

Q3/25

7,517

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,241 | 19.8%

YoY: ▼ 470 | -5.9%

LN sau thuế

Q3/25

1,698

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 351 | 26.1%

YoY: ▼ 396 | -18.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

27.6%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

9T 2025

21,281

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 674 | -3.1%

LN sau thuế

9T 2025

4,660

tỷ VNĐ

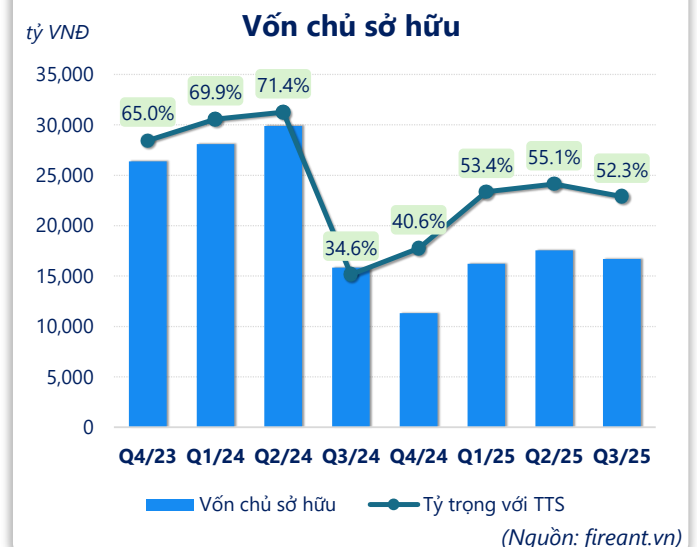
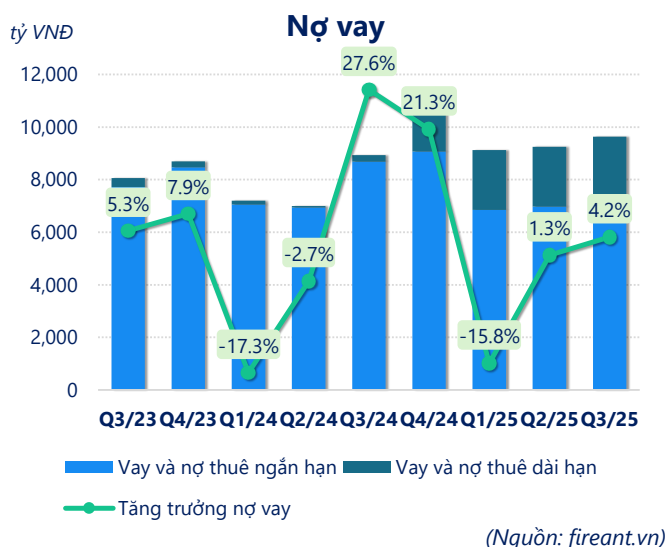
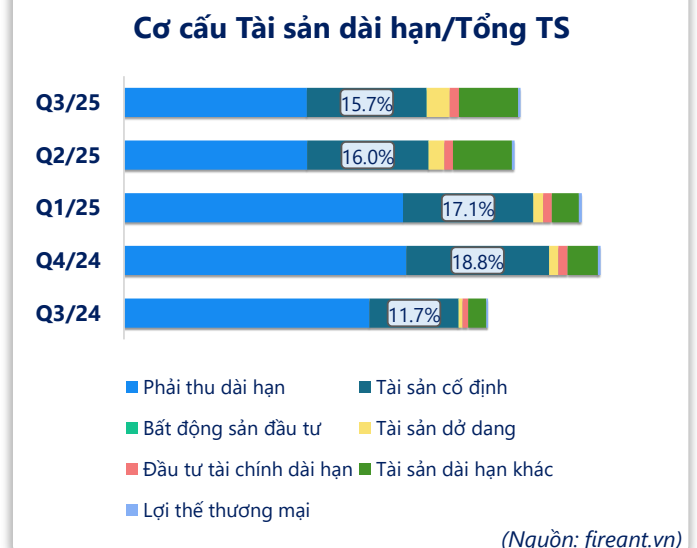
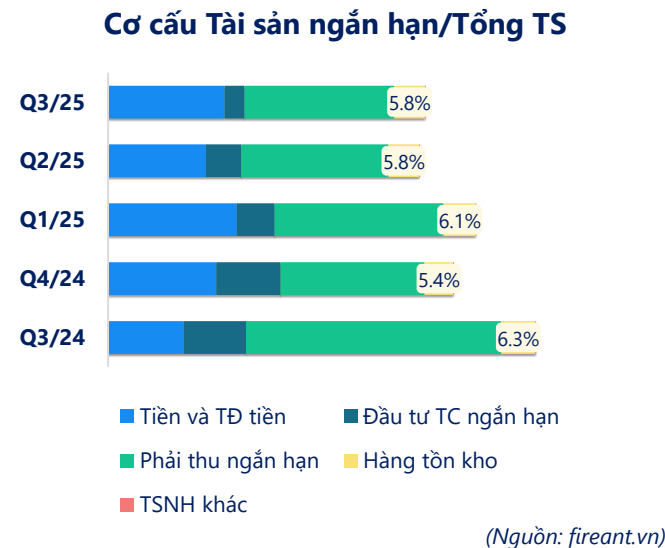
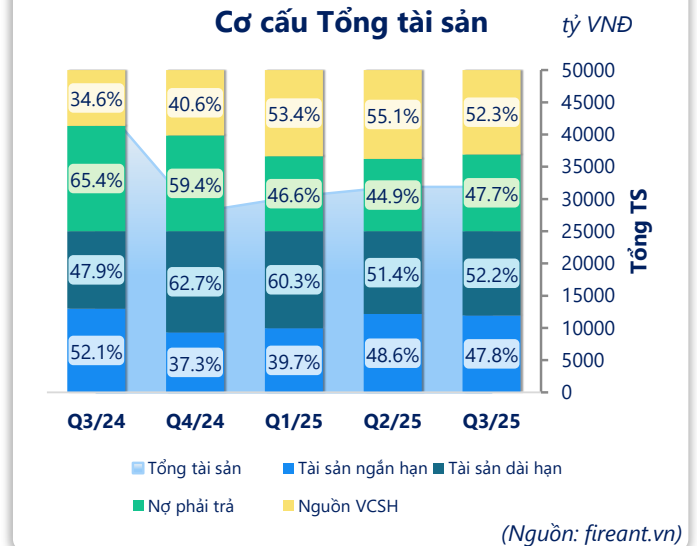
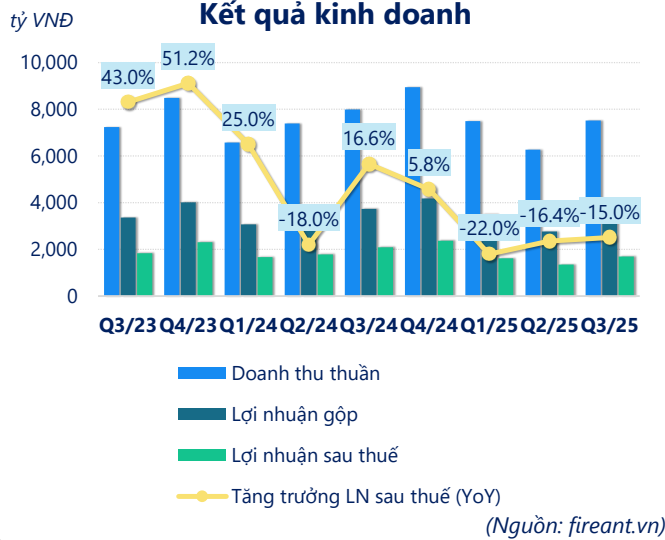
YoY: ▼ 893 | -16.1%

ROE

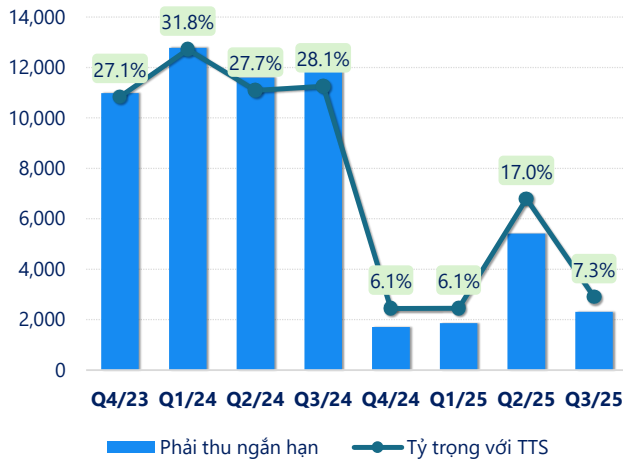
Q3/25

42.5%

+/- YoY: ▲ 3.7%



tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


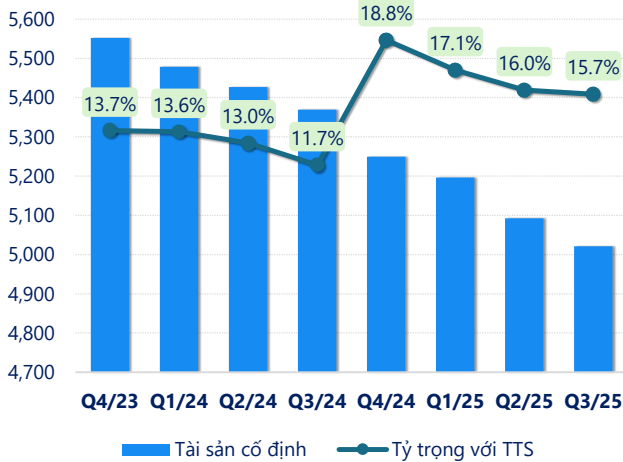
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

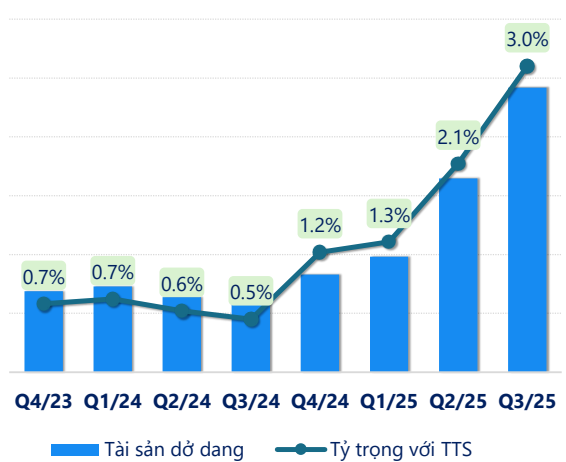

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

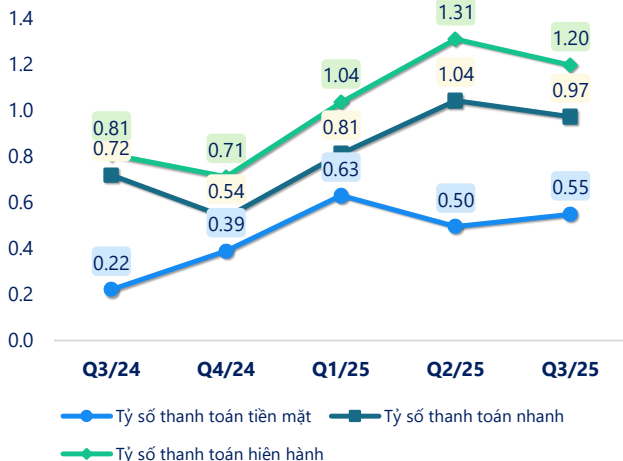
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

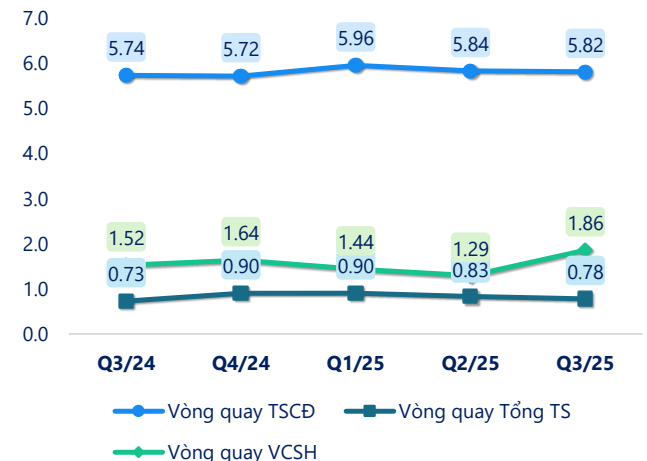
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	45,751	27,900	30,351	31,854	31,885
Tài sản ngắn hạn	23,815	10,394	12,062	15,474	15,240
Tiền và tương đương tiền	6,517	5,677	7,346	5,855	6,989
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,713	365	194	827	2,917
Phải thu ngắn hạn	12,876	1,705	1,857	5,411	2,312
Hàng tồn kho	2,652	2,582	2,590	3,155	2,853
Tài sản ngắn hạn khác	58.1	64.3	74.7	227	169
Tài sản dài hạn	21,936	17,506	18,289	16,380	16,645
Phải thu dài hạn	14,782	10,363	11,154	7,677	7,681
Tài sản cố định	5,369	5,249	5,196	5,092	5,021
Bất động sản đầu tư	4.55	4.17	3.79	3.41	3.04
Tài sản dở dang	240	332	392	659	968
Đầu tư tài chính dài hạn	329	347	347	372	394
Tài sản dài hạn khác	1,102	1,108	1,084	2,471	2,479
Lợi thế thương mại	108	103	112	106	100.0
Nợ phải trả	29,906	16,572	14,141	14,295	15,207
Nợ ngắn hạn	29,448	14,600	11,653	11,813	12,728
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,682	9,067	6,848	6,971	7,361
Phải trả người bán ngắn hạn	1,898	2,315	1,970	1,860	1,848
Nợ dài hạn	459	1,972	2,488	2,483	2,478
Vay và nợ thuê dài hạn	247	1,764	2,273	2,273	2,273
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,845	11,328	16,210	17,559	16,678
Vốn chủ sở hữu	15,845	11,328	16,210	17,559	16,678
Vốn điều lệ	7,356	7,356	10,624	10,624	10,676
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)